

Nam Định, ngày 10 tháng 11 năm 2025

NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH BỔ XUNG

Triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số Năm học 2024 - 2025

- Căn cứ Quyết định 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số CSGDMN;
- Căn cứ Công văn số 1658/SGDDT-VP ngày 09/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Tỉnh Nam Định về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024-2025;
- Căn cứ Kế hoạch số 638/KH-PGDĐT ngày 11/9/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Nam Định về việc Triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024-2025.
- Căn cứ kế hoạch số 56/KH-MNS4 ngày 19/9/2024 của trường Mầm non Số 4 về việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường trong năm học 2024- 2025.
- Căn cứ kế hoạch số 77/KH-MNS4 ngày 08/10/2024 của trường Mầm non Số 4 về việc thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm học 2024- 2025;
- Trường Mầm non Số 4 điều chỉnh, bổ sung nội dung thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số năm học 2024-2025 cụ thể như sau:

1. Mục đích:

- Bổ sung Bộ chỉ số Chuyển đổi số vào kế hoạch Thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số năm học 2024-2025 để CB, GV nắm được và thực hiện.
- Nâng cao trình độ, kỹ năng CNTT cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; thực hiện đồng bộ việc ứng dụng CNTT trong các hoạt động quản lý và giáo dục trẻ trong nhà trường
- Theo dõi đánh giá khách quan, thực chất, công bằng kết quả CDS trong trường mầm non.
- Phát hiện các điển hình, mô hình CDS làm tốt để nhân rộng, tạo phong trào thực hiện CDS trong toàn ngành giáo dục

2. Đối tượng áp dụng

Bộ chỉ số được áp dụng để đánh giá mức độ CDS trong CSGD MN

3. Nguyên tắc xây dựng Bộ chỉ số

- Bám sát yêu cầu của chương trình chuyển đổi số quốc gia, đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”, các quy định liên quan về CDS của Bộ GDĐT
- Đảm bảo tính khoa học, phù hợp điều kiện thực tế nhà trường, bảo đảm đánh giá thực chất, khách quan, minh bạch, công bằng.
- Có tính mở, phù hợp với tình hình thực tế.
 - Có tính thực tiễn, khả thi trong áp dụng.

4. Cấu trúc Bộ Chỉ số

Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non gồm các tiêu chí bắt buộc và tiêu chí tính điểm theo quy định của Bộ giáo dục (có phụ lục kèm theo)

5. Mức độ chuyển đổi số

Mức độ chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục mầm non được đánh giá theo thang điểm tối đa là 100 điểm, kết quả được đánh giá ở ba mức độ:

Mức chưa đáp ứng (Mức độ 1): Tổng điểm của Bộ chỉ số dưới 50. Ở mức này, nhà trường chưa đáp ứng các yêu cầu cơ bản về triển khai chuyển đổi số.

- Mức đáp ứng cơ bản (Mức độ 2): Tổng điểm của Bộ chỉ số đạt từ 50 đến 75. Ở mức này, nhà trường đã đáp ứng yêu cầu cơ bản về triển khai chuyển đổi số.

- Mức đáp ứng tốt (Mức độ 3): Tổng điểm của Bộ chỉ số đạt trên 75. Ở mức này, nhà trường đáp ứng tốt các yêu cầu cơ bản và một số yêu cầu nâng cao về triển khai chuyển đổi số.

6. Quy trình tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số

Nhà trường tự đánh giá căn cứ Quyết định và hướng dẫn của PGD tự đánh giá mức độ chuyển đổi số, phân công và giao trách nhiệm thực hiện cụ thể.

Hiệu trưởng phê duyệt kết quả tự đánh giá; báo cáo kết quả, cập nhật kết quả tự đánh giá lên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục trước ngày 31/5 hằng năm.

7. Tổ chức thực hiện

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cho toàn thể CBGV

Trên đây là nội dung bổ sung kế hoạch triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số năm học 2024-2025 của trường Mầm non Số 4 sau khi có Quyết định 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số CSGDMN.

Nhà trường yêu cầu các đ/c CBGVNV nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT
- Cán bộ, giáo viên, nhân viên (t/h);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thanh Hà

PHỤ LỤC

BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON

(Kèm theo Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo)

STT	Tiêu chí	Điểm tổng tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
1.	Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số (CDS) nhằm nâng cao chất lượng trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và quản trị cơ sở giáo dục mầm non (ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch hằng năm)				Điều kiện bắt buộc (Kế hoạch, văn bản minh chứng)
2.	<p>Triển khai ứng dụng¹ quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ:</p> <p>Nếu có, cung cấp thông tin (tên phần mềm, tự xây dựng/ mua/ thuê/ miễn phí) và có triển khai các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý thông tin trẻ em. (Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin trẻ em của ngành Giáo dục, tối đa 05 điểm; không triển khai: 0 điểm) - Quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em. (Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em của ngành Giáo dục, tối đa 05 điểm; không triển khai: 0 điểm) - Quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. (Cách đánh giá: có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của ngành Giáo dục, tối đa 05 điểm; không triển khai: 0 điểm) - Quản lý thông tin y tế trường học. (Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin y tế trường học của ngành Giáo dục, tối đa 05 điểm; không triển khai: 0 điểm) - Quản lý thông tin phổ cập giáo dục. (Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin phổ cập giáo dục của ngành Giáo dục, tối đa 05 điểm; không triển khai: 0 điểm) - Quản lý thông tin tài sản, tài chính. (Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin tài sản, tài chính, tối đa 03 điểm; không triển khai: 0 điểm) 	60	<p>05 điểm</p> <p>05 điểm</p> <p>05 điểm</p> <p>05 điểm</p> <p>03 điểm</p>	<p>Mức độ 1: dưới 20 điểm</p> <p>Mức độ 2: từ 20-45 điểm</p> <p>Mức độ 3: trên 45 điểm</p>	Đường link/ Thuyết minh/ Văn bản/ Minh chứng khác ²

	<p>- Quản lý văn bản điện tử.</p> <p><i>(Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu quản lý văn bản điện tử, tối đa 03 điểm; không triển khai: 0 điểm)</i></p>		03 điểm		
	<p>- Tiện ích tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng, thực đơn hàng ngày theo chế độ dinh dưỡng cần thiết và phù hợp với sự phát triển của trẻ.</p> <p><i>(Cách đánh giá: Có triển khai, có thông báo đến cha mẹ trẻ thường xuyên và đáp ứng yêu cầu theo quy định, tối đa 07 điểm; không triển khai: 0 điểm)</i></p>		07 điểm		
	<p>- Chức năng tổ chức hoạt động giáo dục trẻ</p> <p><i>(Cách đánh giá: Có triển khai và tần suất sử dụng (theo tuần/tháng/quý) đáp ứng yêu cầu của ngành Giáo dục, tối đa 07 điểm; không triển khai: 0 điểm)</i></p>		07 điểm		
	<p>- Chức năng phối hợp, tham gia của cha mẹ trẻ vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường.</p> <p><i>(Cách đánh giá: Có triển khai và tần suất sử dụng (theo tuần/tháng/quý) đáp ứng yêu cầu của ngành Giáo dục, tối đa 07 điểm; không triển khai: 0 điểm)</i></p>		07 điểm		
	<p>- Chức năng tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ em và cộng đồng.</p> <p><i>(Cách đánh giá: Có triển khai và tần suất sử dụng (theo tuần, tháng, quý) đáp ứng yêu cầu của ngành Giáo dục, tối đa 2,5 điểm; không triển khai: 0 điểm)</i></p>		2,5 điểm		
	<p>- Kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục (do Bộ GDĐT quản lý)</p> <p><i>(Cách đánh giá: Kết nối (API) và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục, tối đa 5,5 điểm; thiếu kết nối cho một nội dung triển khai, trừ 0,5 điểm; không có kết nối: 0 điểm)</i></p>		5,5 điểm		
	<p>- Ban hành, quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ</p>				Điều kiện bắt buộc (Quy chế, văn bản minh chứng)
3.	<p>Triển khai dịch vụ trực tuyến:</p> <p>- Dịch vụ tuyển sinh đầu cấp mầm non trực tuyến.</p> <p><i>(Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng yêu cầu của của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, tối đa 4 điểm; không triển khai: 0 điểm)</i></p> <p>- Dịch vụ kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục qua ứng dụng web/thiết bị thông minh/ mạng xã hội/ OTT (over the top) gồm tối thiểu các chức</p>	12	04 điểm	Mức độ 1: dưới 04 điểm Mức độ 2: từ 04-08 điểm Mức độ 3: trên	Đường link/ Quy chế/ Văn bản/ Minh chứng khác ² .

	<p>năng: thông tin thông báo, điểm danh, xin nghỉ học, phản hồi, đánh giá.</p> <p>(Cách đánh giá: Có triển khai đầy đủ tối thiểu các chức năng trên, tối đa 04 điểm; không triển khai: 0 điểm)</p>			08 điểm	
	<p>- Dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt.</p> <p>(Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, tối đa 04 điểm; không triển khai: 0 điểm)</p>		04 điểm		
4.	<p>Phát triển nguồn nhân lực chuyên đổi số:</p> <p>- Tỷ lệ giáo viên sử dụng được ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.</p> <p>(Cách đánh giá: Tỷ lệ >80%: 10 điểm; tỷ lệ từ trên 60%-80%: 7,5 điểm; tỷ lệ từ trên 40%-60%: 05 điểm; tỷ lệ từ trên 10%-40%: 2,5 điểm; tỷ lệ dưới 10%: 0 điểm)</p> <p>- Tỷ lệ giáo viên hằng năm được tập huấn, bồi dưỡng (gồm cả bồi dưỡng cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận) nâng cao năng lực chuyên môn thông qua nền tảng số.</p> <p>(Cách đánh giá: Tỷ lệ >80%: 10 điểm; tỷ lệ từ trên 60%-80%: 7,5 điểm; tỷ lệ từ trên 40%-60%: 05 điểm; tỷ lệ từ trên 10%-40%: 2,5 điểm; tỷ lệ dưới 10%: 0 điểm)</p>	20	10 điểm	<p>Mức độ 1: dưới 05 điểm</p> <p>Mức độ 2: từ 05-15 điểm</p> <p>Mức độ 3: trên 15 điểm</p>	<p>Văn bản/ Kế hoạch.</p> <p>Tỷ lệ % được tính trên tổng số giáo viên của cơ sở giáo dục/ Minh chứng khác²</p>
5.	<p>Hạ tầng, thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ:</p> <p>- Tỷ lệ phòng học có thiết bị (như: thiết bị trình chiếu, tivi, máy tính, thiết bị nghe, nhìn, thiết bị phụ trợ khác) hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và được kết nối Internet (trong trường hợp thiết bị có cổng kết nối Internet)</p> <p>(Cách đánh giá: Tỷ lệ >50%: 04 điểm; tỷ lệ từ trên 30%-50%: 03 điểm; tỷ lệ từ trên 10%-30%: 02 điểm; tỷ lệ từ trên 05%)-10%: 01 điểm; tỷ lệ <05%: 0 điểm)</p> <p>- Máy tính kết nối Internet phục vụ công tác văn phòng, chuyên môn của cơ sở giáo dục mầm non</p> <p>(Cách đánh giá: Có máy tính phục vụ công tác văn phòng và các tổ chuyên môn: tối đa 04 điểm; có máy tính phục vụ công tác văn phòng: 02 điểm; không có máy: 0 điểm)</p>	08	04 điểm	<p>Mức độ 1: dưới 03 điểm</p> <p>Mức độ 2: từ 03-06 điểm</p> <p>Mức độ 3: trên 06 điểm</p>	<p>Tỷ lệ % được tính trên tổng số phòng học</p> <p>Văn bản/ Minh chứng khác²</p>
	Tổng điểm tối đa	100			